

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 232/2020/HS-PT
Ngày: 18/5/2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Thẩm phán:

1. Ông Vũ Tất Trình.
2. Ông Đặng Hồng Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Hưng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 157/2020/HSPT ngày 06/4/2020, đối với bị cáo T do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 43/2020/HS-ST ngày 28/02/2020 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

T; sinh ngày 01/8/2001; tại: tỉnh L; nơi cư trú: ấp LH, xã LG, huyện ĐH, tỉnh L; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông E và bà A; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam ngày 04/11/2019 (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông B, sinh ngày 16/3/2001; nơi đăng ký thường trú: Thôn PL, xã PĐ, huyện MĐ, tỉnh Q; tạm trú: 49 Đường Đ1, khu phố TN, phường DA, thị xã DB, tỉnh D (Không triệu tập).

Người làm chứng: Ông C, sinh năm 2003; cư trú: ấp LH, xã LG, huyện ĐH, tỉnh L (Không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 04h00' ngày 01/9/2019, T nhận được điện thoại của một người thanh niên (chưa rõ lai lịch) nói T đến khu vực cầu vượt LX thuộc phường F, quận

TĐ nhận xe gắn máy do trộm cắp mà có đem về Long An giao qua biên giới, T sẽ được trả công 1.000.000 đồng, T đồng ý. Sau đó, T đi xe khách từ Tây Ninh đến cầu vượt LX và thuê xe ôm chở vào hẻm phía sau bãi container trên Quốc lộ 1A, khu phố 3, phường F, quận TĐ nhận 01 xe mô tô Yamaha Exciter (không biển số) của một thanh niên chờ sẵn. Sau khi nhận xe do xe không có biển số nên T mang xe gửi vào bãi xe siêu thị Coop-Xtra - tại số 934 Quốc lộ 1, khu phố 4, phường G, quận TĐ. Đến 14h00' ngày 02/9/2019, T thuê C là xe ôm chở đến siêu thị lấy xe. Khi T dẫn xe ra ngoài thì bị Công an phường G, quận TĐ phát hiện, kiểm tra đưa về trụ sở làm việc.

Qua xác minh, xe mô tô Yamaha Exciter, số khung: 1010JY092352, số máy: G3D4E858786, có biển số là 76G1-361.22, thuộc sở hữu của ông B. Ngày 31/8/2019, ông B để xe tại phòng trọ số 49 Đường số 1, khu ST, khu phố TN, phường DA, thị xã DB, tỉnh D thì bị mất trộm xe. Cơ quan điều tra đã giao xe mô tô nêu trên cho Công an thị xã DB, tỉnh D điều tra, xử lý theo thẩm quyền. Ngày 10/9/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã DB, tỉnh D đã khởi tố vụ án “Trộm cắp tài sản”.

Ngoài ra, T còn khai nhận: Vào ngày 28/8/2019, đã nhận 01 xe mô tô hiệu Wave biển số 69D1-372.95 tại phía sau bãi container trên Quốc lộ 1A, khu phố 3, phường F, quận TĐ từ một người không rõ lai lịch mang về cửa khẩu tỉnh Long An giao cho một người không rõ lai lịch và được trả tiền công 1.000.000 đồng, T giữ lại biển số xe.

Qua xác minh, biển số xe 69D1-372.95 đứng tên chủ sở hữu là ông M (hộ khẩu thường trú tại ấp 10, xã TP, huyện N, tỉnh U). Hiện nay, ông M không có mặt tại địa phương nên không xác định được ông M còn sở hữu xe hay không. Khi nào tìm được ông M, Cơ quan điều tra sẽ xác minh làm rõ và xử lý hành vi này của T.

Tại Cơ quan điều tra, T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên. C là xe ôm được T thuê chở đi nhưng không biết việc T đi tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với C.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 1717/BBĐG-HĐĐGTS ngày 12/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Thủ Đức, kết luận: xe Yamaha Exciter số khung: 1010JY092352, số máy: G3D4E858786, không có biển số trị giá 45.000.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 43/2020/HSST ngày 28/02/2020 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, đã tuyên xử:

Tuyên bố bị cáo T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/11/2019.

- Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền

kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 09/3/2020, bị cáo T kháng cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì gia đình có hoàn cảnh khó khăn.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích về tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết định khung và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đã kết luận, đủ căn cứ xác định bản án hình sự sơ thẩm xét xử bị cáo T, về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có cơ sở pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo trong thời hạn luật định và hợp lệ nên cần được xem xét.

Về nội dung kháng cáo: Bị cáo T xin giảm nhẹ hình phạt nhưng tại phiên tòa không có thêm tình tiết giảm nhẹ gì mới để được xem xét. Mức án 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù mà cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo T là phù hợp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo T không tranh luận, chỉ nói lời sau cùng đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt vì đã nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình và mong muốn nhận được mức án khoan hồng để làm lại cuộc đời.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa, bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” của mình, phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm và bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ: biên bản ghi nhận sự việc, biên bản tạm giữ đồ vật – tài liệu, lời khai của (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng), bản kết luận giám định, cùng các tài liệu, biên bản về hoạt động tố tụng khác của Cơ quan điều tra đã thu thập có tại hồ sơ vụ án.

Xét, đã đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo T đã có hành vi mặc dù biết rõ xe mô tô Yamaha Exciter không biển số (có số khung: 1010JY092352, số máy: G3D4E858786) là tài sản do trộm cắp mà có, nhưng T vẫn đồng ý đi từ Tây Ninh lên Thành phố M nhận xe và mang về Long An giao qua biên giới, giúp sức cho các đối tượng (không rõ lai lịch) tiêu thụ tài sản để được trả công 1.000.000 đồng

hưởng lợi; thì bị cơ quan Công an kiểm tra, phát hiện thu giữ cùng vật chứng vào khoảng 14h00' ngày 02/9/2019, khi T đến lấy xe gửi tại bãi trông xe siêu thị Coop-Xtra - số 934 Quốc lộ 1, khu phố 4, phường LG, quận TĐ, Thành phố M.

Vật chứng thu giữ của bị cáo: Theo bản kết luận định giá tài sản số 1717/BBĐG-HĐĐGTS ngày 12/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Thủ Đức, kết luận: xe mô tô Yamaha Exciter có số khung: 1010JY092352, số máy: G3D4E858786 và không có biển số trị giá 45.000.000 đồng. Qua xác minh là tài sản thuộc quyền sở hữu của ông B bị mất trộm xe vào ngày 31/8/2019.

Như vậy, với trị giá tài sản tiêu thụ và hành vi nêu trên của bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo T, về tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã tiếp tay cho tội phạm về xâm phạm quyền sở hữu phát triển, gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo T là người có đầy đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, nhưng vì động cơ tư lợi vẫn bất chấp sự nghiêm cấm của Nhà nước, cố ý phạm tội.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/3/2020, bị cáo T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm về hình thức là làm trong thời hạn theo quy định tại Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự nên được chấp nhận để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định về tình tiết: bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt. Ngoài ra, bị cáo T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nhưng cấp sơ thẩm chưa nhận định và áp dụng trong phần quyết định hình phạt đối với bị cáo là có thiếu sót, cần lưu ý trong việc áp dụng pháp luật.

Xét về tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo: Bị cáo T đã phạm tội, giúp sức cho các đối tượng phạm tội “Trộm cắp tài sản” mang tính chất liên tỉnh, tiêu thụ tài sản trị giá 45.000.000 đồng để mang qua biên giới. Ngoài ra, bị cáo T còn khai nhận đã thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản vào ngày 28/8/2019, hiện Cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật; nên cũng cần lưu ý khi quyết định hình phạt.

Xét, mặc dù cấp sơ thẩm có thiếu sót nêu trên trong việc nhận định và áp dụng về tình tiết giảm nhẹ, nhưng mức hình phạt xử hình phạt bị cáo T mức án 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù là thỏa đáng, không nặng, phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án và đã thể hiện sự khoan hồng của pháp luật; mới đủ tác dụng để răn đe, giáo dục bị cáo nói riêng và công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm chung. Do đó, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo T là không

có cơ sở để được chấp nhận nên giữ nguyên bản án sơ thẩm và bổ sung căn cứ pháp luật khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử cũng là căn cứ để chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phúc thẩm.

+Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các vấn đề khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 43/2020/HSST ngày 28/02/2020 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, về tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn tù tính từ ngày 04/11/2019.

- Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

N^{ơi} nh^{ận}:

- TAND TC; (1)
- TAND C^{ấp} Cao t^hị TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND qu^{ận} Th^ị ^đ ^đ ^đ c; (1)
- P.PC 53 - CATP; (1)
- B^ộ c^{ông}; (1)

**TM. H^{ội} I^{nh} ^đ ^đ ^đ NG ^ắ ^ắ XT X^ử P^híc Th^{ẩm}
TH^{ẩm} P^hấn – CH^ủ T^áa P^hấn T^áa**

- S□ T□ phg (1)
- THA qu□n Th□ □□c; (2)
- TAND qu□n Th□ □□c; (2)
- Czng an qu□n Th□ □□c; (1)
- UBND n□i b□ cg c□ tr; (2)
- L□u: VT, THS, h□ s□; (26) (4)

Nguy□n Tu□n Anh